

## HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TƯ THỤC Ở TRUNG KỲ TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945

Dương Thị Thanh Hải\*, Dương Thị Kim Oanh

Khoa Lịch sử, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, Việt Nam

### ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

**Journal:** Vinh University  
Journal of Science  
**p-ISSN:** 3030-4660

**Volume:** 53

**Issue:** 1B

**\*Correspondence:**  
thanhhai78dhv@gmail.com

**Received:** 18 December 2023

**Accepted:** 26 January 2024

**Published:** 20 March 2024

#### Citation:

Dương Thị Thanh Hải, Dương  
Thị Kim Oanh (2024). Hoạt  
động của trường tư thục ở  
Trung Kỳ Từ năm 1917 đến  
năm 1945. *Vinh Uni. J. Sci.*  
Vol. 53 (1B), pp. 86-99  
doi: 10.56824/vujs.2023b163

### OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an  
Open Access article distributed  
under the terms of the [Creative  
Commons Attribution License](#)  
(CC BY NC), which permits  
non-commercially to share  
(copy and redistribute the  
material in any medium) or  
adapt (remix, transform, and  
build upon the material),  
provided the original work is  
properly cited.

Dưới thời Pháp thuộc, bên cạnh hệ thống trường công lập, chính quyền Pháp đã cho phép mở nhiều trường tư thục nhằm phục vụ các mục tiêu chính trị và đáp ứng yêu cầu học tập của người dân. Để góp phần làm sáng tỏ thực trạng của trường tư thục ở Trung Kỳ thời Pháp thuộc, dựa trên các tài liệu của chính quyền Pháp bao gồm các Nghị định, Báo cáo niên giám, tài liệu thống kê,... bài viết tập trung làm rõ các chính sách giáo dục tư thục của chính quyền thuộc địa từ cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai (năm 1917 đến năm 1945), đồng thời phục dựng hệ trường tư thục ở Trung Kỳ trên các khía cạnh trường lớp, chương trình, học sinh... Trên cơ sở đó nêu lên một vài nhận xét về giáo dục tư thục ở Trung Kỳ từ cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai (năm 1917 đến năm 1945) và đối sánh với giáo dục tư thục ở Bắc Kỳ, Nam Kỳ trong cùng thời gian nghiên cứu.

**Từ khóa:** Trường tư thục; Trung Kỳ; Pháp thuộc; giáo dục tư.

### 1. Mở đầu

Dưới thời thuộc địa, Trung Kỳ là xứ có diện tích lớn nhất trong ba kỳ của Việt Nam, dân số đứng thứ hai sau Bắc Kỳ (Thông kê dân số được chính quyền Pháp tiến hành năm 1931, Trung Kỳ là xứ có diện tích lớn nhất trong ba xứ ở Việt Nam với 147,6 ngàn km<sup>2</sup>, dân số 5,122 triệu người; Bắc Kỳ có diện tích 115,7 ngàn km<sup>2</sup>, dân số 8,096 triệu người; Nam Kỳ có diện tích 64,7 ngàn km<sup>2</sup>, dân số 4,484 triệu người (Gouvernement général de l'Indochine, 1932, p. 51). Hiệp ước Patenôtre (1884) xác định rõ: Địa giới nước Đại Nam từ giáp tỉnh Biên Hòa (Nam Kỳ) về phía bắc cho đến giáp tỉnh Ninh Bình (Bắc Kỳ) (Khoản thứ 3). Theo đó, khu vực Trung Kỳ bao gồm từ Thanh Hóa đến hết Bình Thuận và chia thành 3 khu vực nhỏ: Bắc Trung Kỳ (Nord Annam: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh), Trung Trung Kỳ (Centre Annam: Quảng Bình đến Bình Định), Nam Trung Kỳ (Sud Annam: Phú Yên đến Bình Thuận). Cũng từ sau năm 1884, người Pháp từng bước sáp nhập Kon Tum, Đăklăk và Haut - Donnai (Đồng Nai thượng) vào Trung Kỳ. Do vậy, không gian Trung Kỳ thời thuộc địa gồm từ Thanh Hóa đến hết Bình Thuận và Tây Nguyên ngày nay. Những tỉnh có dân số đông ở Trung Kỳ là Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Bình, và cũng là những vùng đất nổi tiếng hiếu học, có nhiều người đỗ đạt ở các triều đại phong

kiến trước đó. Trong 7 trường thi Hương của cả nước được lập ra dưới thời giáo dục Nho học triều Nguyễn, nếu không kể trường thi An Giang tổ chức một kỳ thi duy nhất vào năm Giáp Tý (1864) rồi bị xoá tên vì Pháp chiếm Nam Kỳ, riêng Trung Kỳ có 4 trường thi đặt tại Thanh Hoá, Nghệ An, Huế, Bình Định, trong khi Bắc Kỳ chỉ có 2 trường thi đặt ở Hà Nội, Nam Định, còn Nam Kỳ có duy nhất một trường thi đặt ở Gia Định. Sau khi cơ bản bình định Trung Kỳ, chính quyền Pháp cho đặt bộ máy cai trị, tìm cách thay đổi và thực hiện cải cách giáo dục mới với mong muốn thay thế nền giáo dục truyền thống bằng giáo dục hiện đại, mang tính thực nghiệp theo mô hình phương Tây nhằm đào tạo nguồn nhân lực đa ngành nghề, trước là phục vụ cho bộ máy cai trị, khai thác thuộc địa, sau là phổ rộng văn hóa Pháp để hiện thực mục tiêu “đồng hoá”.

Trong những năm đầu áp dụng chương trình giáo dục Pháp vào trường học ở Trung Kỳ (gọi là giáo dục Pháp - Việt), người Việt, đặc biệt là những người có học tố ra không tiếp thu nồng nhiệt. Tinh thần bài ngoại của người dân khiến giáo dục Pháp - Việt luôn bị lép vế trước giáo dục Nho học. Sau cuộc cải cách của Toàn quyền Albert Sarraut bắt đầu vào năm 1917, giáo dục truyền thống bị bãi bỏ, hệ thống trường Nho được sáp nhập hoàn toàn vào giáo dục Pháp - Việt, người dân dần từ bỏ định kiến về giáo dục bằng tiếng Pháp. Từ đây giáo dục Pháp - Việt phát triển, hoàn thiện các bậc học từ bậc tiểu học đến đại học. Mặc dù số trường và học sinh có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu được đến trường của người dân vì thiếu trường học. Đây là lý do tại sao đầu những năm 20 của thế kỷ XX, các tầng lớp người Việt, đặc biệt là giới trí thức tinh hoa đã dùng các hình thức đấu tranh hợp pháp để yêu cầu mở thêm trường học. Do đó, loại hình giáo dục tư thực đã nảy nở từ giữa những năm 20 của thế kỷ XX, đã góp phần làm thay đổi diện mạo giáo dục ở Trung Kỳ nói riêng, Việt Nam nói chung. Trong bài viết, chúng tôi muốn làm rõ hơn về các chính sách giáo dục dành cho trường tư thực, những nét lớn về hệ thống trường tư thực ở Trung Kỳ trên các khía cạnh trường lớp, chương trình, học sinh... và rút ra một vài đặc điểm của loại hình trường học này ở Trung Kỳ trong bối cảnh thuộc địa.

## **2. Trường tư thực trong chính sách cải cách giáo dục của chính quyền Pháp**

Để chuẩn bị những điều kiện cho cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai đạt hiệu quả tốt nhất, lĩnh vực giáo dục được Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut khởi động bằng việc cho thực thi cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai (1917). Ban hành Bộ “Học chính Tổng quy”, lần đầu tiên một khuôn khổ pháp lý các quy chế giáo dục được xây dựng thống nhất trên toàn xứ Đông Dương. Những quy định về cơ quan quản lý giáo dục, hệ thống các loại trường, chương trình học, đào tạo giáo viên, cách thức đánh giá, thi cử, thanh tra nhà trường... đều tiên tới mục tiêu xây dựng nền giáo dục mới do người Pháp thiết kế về hình thức cùng nội dung. Nội dung quy chế tổng thể ngành học chính ở Đông Dương thể hiện trong 558 điều, tập hợp trong 7 quyển: Quy định về cách thức tổ chức, quản lý, giám sát các bậc học, quy chế về nhân sự giảng dạy (Quyển I); Quy định về giáo dục đệ nhất cấp, chương trình, điều hành, thanh tra, giám sát, nhân sự (Quyển II); Quy định về giáo dục đệ nhị cấp, tuyển sinh, chương trình, Sách giáo khoa, điều hành, thanh tra, giám sát, nhân sự và quy định các trường, lớp sư phạm đào tạo giáo viên cùng quy định về trường tư thực (Quyển III); Quy định về giáo dục nghề, các loại trường học, thanh tra, giám sát, điều hành và nhân sự (Quyển IV); Quy định về các kỳ thi, các loại bằng cấp và chứng chỉ năng lực sư phạm (Quyển V); Quy định về các loại, hạng, tính chất của các học bổng, điều kiện được nhận học bổng (Quyển VI); Quy định về giáo dục cao đẳng (Quyển VII) (Trung tâm

Lưu trữ quốc gia I (2016), tr. 335-486). Về cơ bản, giáo dục Đông Dương được chia thành hai bộ phận: giáo dục phổ thông và giáo dục nghề, với 3 loại trường: trường Pháp, trường Pháp - Việt và trường nghề. Trường Pháp - Việt được tổ chức thành 3 cấp học là Đệ nhất cấp (Tiểu học), Đệ nhị cấp (bổ túc, Trung học) và Đệ tam cấp (Cao đẳng, Đại học). Giáo dục nghề gồm 2 cấp: Đệ nhất cấp (trường dạy nghề, gia chánh, nông nghiệp, kỹ thuật công nghiệp và trang trí bản xứ) và Đệ nhị cấp (trường thực nghiệm bị thê) dạy toàn khóa. Trong giáo dục phổ thông lại được chia thành giáo dục công lập và giáo dục tư thục.

Tạo khung pháp lý cho việc thành lập trường tư thục, điều 6, điều 268 và điều 269 Học chính Tổng quy quy định trường tư thục được chia thành hai bậc là trường tư thục đệ nhất cấp và trường tư thục đệ nhị cấp giống giáo dục phổ thông công lập. Trường tư thục có thể do cá nhân hoặc các tổ chức tôn giáo lập ra dưới sự cho phép của chính quyền địa phương: “Điều kiện mở trường tư thục đệ nhất cấp và đệ nhị cấp do người đứng đầu địa phương quy định bằng nghị định. Các trường trung học chỉ được mở nếu Toàn quyền cho phép. Hiệu trưởng trường tư thục được chọn sách giáo khoa nhưng phải thông qua người đứng đầu chính quyền địa phương và được Toàn quyền cho phép: “Hiệu trưởng các trường tư thục được phép lựa chọn phương pháp, chương trình, giáo trình với điều kiện hoạt động giảng dạy tại các trường không trái với luân lí, luật lệ; sách giáo khoa phát cho học sinh không vi phạm các quy định của địa phương” (Điều 6) (Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, 2016, tr. 336).

Tuy nhiên, phải đến năm 1924, dưới thời Toàn quyền Merlin, các Nghị định về trường tư thục mới được ban hành rõ ràng và chi tiết, như: *Nghị định ngày 14/5/1924 của Toàn quyền Đông Dương về việc mở các trường tư thục ở Đông Dương; Nghị định ngày 27/01/1925 của Toàn quyền Đông Dương quy định về trình độ và yêu cầu đối với giáo viên trường tư thục; Nghị định ngày 11/02/1925 của Toàn quyền Đông Dương quy định về trình độ, độ tuổi lập trường và những biện pháp kỷ luật trường tư thục.*

Đối với Trung Kỳ, Khâm sứ Trung Kỳ Pasquier gửi công văn ngày 10/11/1924 yêu cầu công sứ các tỉnh nghiêm túc thực hiện Nghị định ngày 14/5/1924 của Toàn quyền Đông Dương: “Tôi trân trọng yêu cầu các ngài cần phải lưu ý đến các điều khoản của Sắc lệnh ngày 14/5/1924 về việc quy định mở cửa và hoạt động của các trường tư thục ở Đông Dương” (Circulaire du 10 Novembre 1924 du Résident Supérieur, 1924, RSA-J.1294, p. 1300). Đồng thời, chính quyền Trung Kỳ ban hành những thông tư, nghị định tạo nên bộ khung pháp lý cho việc lập và hoạt động của trường tư thục ở Trung Kỳ, như: *Nghị định ngày 11/02/1925 ấn định các điều kiện hoạt động của các trường tư thục ở Trung Kỳ* (Arrêté du 11 Février 1925 du Résident Supérieur en Annam, 1925, RSA-J.1296); *Thông tư ngày 11/7/1925 về điều kiện để mở trường tư thục mới* (Circulaire du 11 Juillet 1925 du Résident Supérieur en Annam, 1925, RSA-J.1296); *Thông tư ngày 12/12/1925 về việc thành lập và duy trì các trường tư thục* (Circulaire du 12 Décembre 1925 du Résident Supérieur en Annam, 1925, RSA-J.1296); Nghị định ngày 26/11/1926 và Nghị định ngày 22/01/1930 hướng dẫn thành lập và hoạt động của các trường tư thục tại Trung Kỳ.

Những điều khoản trong Nghị định ngày 11/02/1925 đề cập đến điều kiện hoạt động của trường tư thục, trong đó quy định rõ về đội ngũ quản lý và giáo viên giảng dạy ở trường tư thục, cụ thể như: Điều 2. Hiệu trưởng và giáo viên trong các trường tư thục đáp ứng được việc giảng dạy tiếng Pháp tiểu học cao đẳng và phải đạt từ độ tuổi từ 25 tuổi hoặc 21 tuổi và ít nhất phải có văn bằng cao đẳng giảng dạy tiếng Pháp; Điều 4. Hiệu trưởng và giáo chức của các trường tư thục giảng dạy cấp trung học hoặc cấp tiểu học nhất

đăng phải đạt độ tuổi 25 hoặc 21 tuổi và ít nhất phải tốt nghiệp bậc trung học trở lên; Điều 5. Hiệu trưởng và giáo viên của các trường tư thực giảng dạy tiếng Pháp được giảng dạy cấp tiểu học Pháp - Việt phải đáp ứng được độ tuổi là 25 hoặc 21 tuổi và ít nhất phải có chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học Pháp - Việt; Điều 6. Hiệu trưởng và các giáo viên của các trường tư thực giảng dạy sơ đẳng yếu lược tiểu học phải đạt độ tuổi 21 tuổi nếu trường chỉ có những học sinh ở bên ngoài và đạt từ 25 tuổi nếu trường bao gồm cả các học sinh ở trong tỉnh. Giáo viên bản xứ hoặc giáo viên bảo hộ Pháp phải đạt ít nhất là 18 tuổi. Hiệu trưởng và giáo viên phải có ít nhất là bằng sơ học yếu lược (Arrêté du 11 Février 1925 du Résident Supérieur en Annam, 1925, RSA-J.1296).

Từ đây, các trường tư thực ở Trung Kỳ muốn được thành lập và hoạt động phải làm đơn, kèm theo những minh chứng về đạo đức, năng lực của giáo viên trường học, sơ đồ lập trường, số lượng học sinh, điều kiện trường lớp... theo quy định. Trường tư thực đệ nhất cấp (bậc sơ học, tiểu học) do Khâm sứ ra quyết định thành lập. Trường tư thực đệ nhị cấp (bậc Cao đẳng tiểu học và Trung học tú tài) do Toàn quyền Đông Dương kí quyết định. Trực tiếp quản lý trường tư thực là Công sứ tỉnh, Sở Học chính Trung Kỳ và Nha Học chính Đông Dương. Muốn mở trường tư thực tiểu học, hiệu trưởng và giáo viên phải có tuổi đời từ 25 trở lên, ít nhất phải có bằng cao đẳng tiểu học Pháp - Việt; giáo viên dạy trường Sơ học phải có bằng tiểu học Pháp - Việt. Muốn mở trường tư thực cao đẳng tiểu học và trung học phải là một người có thể lực, có tiền tài và không bị tình nghi chống lại chế độ thực dân. Bất kỳ một thay đổi nhân sự nào trong nhà trường kể cả hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên đều phải được báo cho Công sứ đầu tỉnh và Khâm sứ. Ngôn ngữ tiếng Pháp sẽ được sử dụng chính trong các nhà trường. Chương trình học, thi cử, các loại bằng cấp của trường tư thực cơ bản giống với trường công lập. Giám đốc Nha Học chính chịu trách nhiệm thanh tra tất cả các trường tư thực tại Trung Kỳ. Tất cả các trường tư thực tại Trung Kỳ nếu bị mắc lỗi sẽ bị xử phạt theo điều 8 của sắc lệnh ngày 14/5/1924.

Như vậy, để kiểm soát trường tư thực, chính quyền Pháp đã đưa loại hình trường này vào diện quản lý của nhà nước. Để kìm chế sự nảy nở của trường tư thực, những quy định về điều kiện lập trường, điều kiện để trường được hoạt động khá rắc rối nhằm gây khó khăn cho người dân. Trước đây, người dân vẫn tự mở trường tư (tư gia) và mời thầy về dạy mà không cần xin phép. Trường tư gia là những trường mở tại gia, do người gia trưởng hay giao cho một thầy học đứng dạy con cháu hay là trẻ con về hàng thân thuộc mồ côi, hoặc là vô thừa nhận mà mình nhận nuôi, thì không kể vào hạng trường tư thực (Trần Thị Phương Hoa, 2012, tr. 163). Hoạt động của loại hình tư gia này không quá 5 học sinh, nếu quá phạm vi cho phép phải xin phép với nhà chức trách. Vì vậy, hoạt động của trường tư thực ở Trung Kỳ phải tuân thủ theo quy định chung: Không một trường tư thực nào được mở nếu không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp cho (Décret du 14 Mai 1924 du Gouverneur Général de l'Indochine, art.1).

### **3. Hoạt động của các trường tư thực ở Trung Kỳ**

Trước năm 1919 việc học truyền thống của người Việt do Bộ Lễ và sau đó là Bộ Học theo dõi cùng với đó các cơ quan học chính của Pháp, trong đó có Sở Học chính Trung Kỳ. Bên cạnh các trường nhà nước do các quan học chính Nam triều như Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo và các công chức trong bộ máy hành chính và học chính Pháp giám sát, còn rất nhiều trường tư thực mở ở khắp nơi, rèn luyện cho các thanh niên kỹ năng thành thạo để đi thi. Năm 1908, số trường tư thực ở Trung Kỳ lên đến khoảng 5.000 trường với gần

100 ngàn học sinh. Sau khi giáo dục Nho học bị bãi bỏ ở Trung Kỳ năm 1919, việc học được đặt dưới sự quản lý của chính quyền Pháp, trực tiếp là Nha Học chính thì các trường tư thục sẽ thành lập và hoạt động theo quy định của Học chính Tổng quy. Điều này đã gây bất mãn đối với số đông dân chúng và các giáo viên. Họ cho rằng chính quyền đang gây phiền nhiễu nên đã cho đóng cửa nhiều trường học (B.A.V.H, 2003, tr. 239). Kể từ đó, chỉ còn một số nhỏ các trường tư thục: 4 đến 5 trường của Hội Trí tri, hoạt động dưới sự bảo trợ của Chính quyền bảo hộ; 2 trường học mở ra bởi người Pháp, chủ sở hữu của các đồn điền, 3 đến 4 trường học do giáo viên Việt đảm trách. Từ những năm 20 đến những năm 30, các Trường tư thục có bước phát triển với loại hình trường tư tôn giáo và trường tư thế tục. Trường tư tôn giáo thành lập bởi một số đoàn thể, các linh mục người Việt, học sinh được học tại các chủng viện, chẳng hạn như các chủng viện Xã Đoài (Nghệ An) và Chủng viện nhỏ An Ninh (Quảng Trị); một số cơ sở khác tập trung trẻ em mồ côi hoặc trẻ bị bỏ rơi và dạy cho chúng một số ngành nghề. Loại hình trường tư tôn giáo được mở ra và hoạt động chủ yếu từ khoảng năm 1900 đến năm 1919 với số trường dao động từ 3-21 trường. Trường tư thế tục là loại hình trường do các bậc trí thức mở ra, được sự cấp phép của chính quyền thuộc địa, còn được gọi là loại hình trường tư không tôn giáo.

Sau khi có thông tư của Toàn quyền Đông Dương quy định: mọi học sinh muốn lấy bằng tốt nghiệp Sơ học yếu lược hoặc Tiểu học bắt buộc phải học qua trường công lập hoặc trường tư thục. Tuy nhiên, trường công lập không đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trong vùng, hơn nữa về khoảng cách địa lý, các trường liên hương chỉ tiện cho trẻ em trường làng gần trường, trẻ em ở làng cách xa trường không thể đến trường hàng ngày. Những quy định nghiêm ngặt về độ tuổi vào trường công lập cũng như tình trạng thiếu trường là nguyên nhân khiến dư luận lên tiếng yêu cầu Chính phủ gấp rút mở trường tư thục để đáp ứng nguyện vọng của người dân. Vì vậy, Trung Kỳ cũng như Bắc Kỳ, người dân đã tìm cách mở trường tư thục. Từ sau loạt Nghị định của Toàn quyền Merlin năm 1924, 1925, cùng các thông tư, nghị định về trường tư thục ở Trung Kỳ do Khâm sứ Trung Kỳ ban hành năm 1925, 1926, các trường tư thục ở Trung Kỳ nở rộ. Ngày 16/12/1925, 15 trường trường tư thục Nhà Chung được thành lập ở Thanh Hóa với 431 học sinh theo Công văn số 546 (Ecoles privées de la Mission de Thanh-Hoa, 1927, RSA-4577). Theo thống kê Đông Dương từ năm 1926 trường tư thục ở Trung Kỳ đã có đầy đủ các bậc học, từ sơ học học đến trung học. Năm 1926, toàn Trung Kỳ tổng số trường tư thục là 220 trường với 7.170 học sinh, trong đó trường tư thục do nhà thờ tổ chức là 151 trường (B.A.V.H, 2003, tr. 240). Cũng theo số liệu khảo sát của Sở học chính Trung Kỳ và thống kê của Toà Khâm sứ, năm học 1926-1927 tại tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh có số trường tư Sơ học là gần 20 trường với hơn 600 học sinh; Bình Định có 21 trường với hơn 1000 học sinh. Thống kê ở Thanh Hoá từ năm 1924 đến năm 1930 có nhiều trường tiểu học tư thục mới được thành lập, tiêu biểu như: trường Thái Yên (huyện Nông Cống), Mai Vực (huyện Quảng Hoá), Trịnh Điện (huyện Yên Định), Bạch Cầu, Tam Tổng (huyện Nga Sơn), Dương Giáo (huyện Thạch Thành). Năm 1934, Nha Trang có thêm trường tiểu học tư thục Hoà Khánh, nằm trên đường Trần Quý Cáp hiện nay. Tuy số trường được lập ra nhiều hơn trước, nhưng do những quy định ngặt nghèo về trình độ bằng cấp đối với nhân sự trường học, quy định về độ tuổi, thủ tục hành chính, cơ sở vật chất vệ sinh trường học khiến trường tư thục ở Trung Kỳ còn hạn chế về số lượng. Trường hợp cụ thể trong năm 1932, ông Trần Điền ở Thanh Hoá gửi hồ sơ lên Khâm sứ xin mở một trường tiểu học tư thục tại tỉnh lỵ Thanh Hoá. Phúc đáp lại hồ sơ của ông, chính quyền Pháp ghi rõ: “Tôi xin thông báo cho ông

Trần Điền, một cựu giáo viên cũ của một trường truyền giáo ở Thanh Hoá có địa chỉ số 5 Rue des Mission Etrangeres, Thanh Hoa rằng, tôi không thể đáp ứng yêu cầu của ông. Được sinh ra vào ngày 6 tháng 1 năm 1910, Trần Điền đã chưa đến tuổi 25 theo yêu cầu của Nghị định ngày 11 tháng 2 năm 1925 (Điều 5) để chỉ đạo một trường tư thục tiểu học (Réponse de Résident supérieur de l'Annam à la demande de M. Tran Dien d'ouvrir une école privée à Thanh Hoa, 1932, RSA-4563). Trường hợp ông Lê Nguyên Thu ở Nghệ An cũng được chính quyền phúc đáp không đồng ý cũng bởi nguyên do vi phạm điều 5 của nghị định ngày 11 tháng 2 năm 1925: “Theo điều 5 của nghị định ngày 11 tháng 2 năm 1925, hiệu trưởng các trường tiểu học tư phải đạt độ tuổi là 25. Bổ nhiệm Lê-Nguyên-Thu 22 tuổi là không thể được như ông yêu cầu” (Rapotr N.1150 le 23 août 1932, RSA-4563).

**Bảng 1: Thống kê giáo dục tư thục ở Trung Kỳ năm 1926-1944**

			Năm học			
			1926-1927	1930-1931	1935-1936	1943-1944
Trường tư tôn giáo	Trường trung học và Cao đẳng tiểu học	Trường	4	4	4	7
		GV	7	8	40	82
		HS	163	166	893	2.433
	Trường tiểu học và Sơ học	Trường	147	101	91	116
		GV	235	175	190	228
		HS	5.335	4.230	4.906	7.457
Trường tư thế tục	Trường trung học và cao đẳng tiểu học	Trường	-	-	5	12
		GV	-	-	53	111
		HS	-	-	893	4.574
	Trường tiểu học và Sơ học	Trường	64	65	107	885
		GV	81	81	220	958
		HS	1.501	1.563	5.554	19.838
	Trường người Hoa	Trường	5	13	12	18
		GV	14	26	20	56
		HS	277	623	434	1.632
Tổng	Trường	220	183	219	1.038	
	GV	337	290	523	1.435	
	HS	7.270	6.582	12.680	35.934	

**Nguồn:** B.A.V.H, 2003, tr. 240; *Annuaire statistique de l'Indochine các năm 1932, 1937, 1948.*

Theo số liệu thống kê về trường tư thục ở Trung Kỳ từ năm 1926 đến năm 1944 thì, năm 1927 đến năm 1931 trường tư tôn giáo chiếm ưu thế, năm 1935 đến năm 1944 trường tư thế tục lại chiếm ưu thế. Trước năm 1930, số trường tư thế tục có chiều hướng giảm dần. Đồng thời với tình hình này là sự gia tăng ổn định các trường công lập, nhất là các trường công làng xã. Nguyên nhân chính dẫn đến việc số trường tư thục sụt giảm là do các làng xã đã triệt để vận dụng Nghị định ngày 21/7/1927 của Toàn quyền Đông Dương: “Các làng xã hiện chưa có bất cứ một trường chính thức nào có thể được quyền mở các

trường sơ đẳng công cộng giao phó cho các giáo viên không thuộc chính ngạch giáo dục, họ được tuyển dụng và trả lương trực tiếp do làng xã với sự đồng ý của các giới chức hành chính” (B.A.V.H, 2003, tr. 240). Điều này dẫn tới việc một số tỉnh đã biến các trường tư thành trường công làng xã. Việc chuyển đổi được 54 trường tư thục sang trường công làng xã trong năm 1931, Hà Tĩnh được xem là địa phương vận dụng linh hoạt nhất nghị định này (B.A.V.H, 2003, tr. 240). Từ năm 1936, tuy số trường tư thục tăng không đáng kể nhưng số học sinh lại gia tăng vượt trội. Số học sinh trường tư năm 1936 tăng gấp 2 lần số học sinh năm 1931. Năm 1944 Trung Kỳ có số trường tư thục và số học sinh đạt mức cao nhất, nhưng chủ yếu là trường tiểu học và sơ học.

Trường tư thục bậc cao đẳng tiểu học và trung học ở Trung Kỳ cũng chiếm một tỉ lệ khá cao trong hệ thống trường tư thục, đạt 4,1% trong năm học 1935-1936. Nhờ có chương trình đào tạo và các giáo viên có trình độ, trường tư tôn giáo bậc trung học và cao đẳng tiểu học đã được hình thành sớm hơn trường tư thế tục. Năm 1936, Trung Kỳ có 4 trường tư tôn giáo bậc trung học và cao đẳng tiểu học với 53 giáo viên và 893 học sinh. Trường Providence ở Đà Lạt có 4 lớp tú tài với 143 học sinh. Trường Notre-Dame ở Lang-biang lập năm 1936 có 60 học sinh theo học các lớp cao đẳng tiểu học. Năm 1936, Khánh Hoà đã lập được một trường trung học tư thục đầu tiên là trường Kim Yến ở thị xã Nha Trang. Tuy trường tư cao đẳng tiểu học và trung học thế tục thành lập muộn nhưng có sự bứt phá rõ rệt, đến năm 1944 có 12 trường, gấp 3 lần số trường tư tôn giáo. So với giáo dục công, trường tư thục bậc cao đẳng tiểu học và trung học công lập luôn cao hơn. Năm 1944, trường tư thục cao đẳng tiểu học và trung học là 19 trường, cao gấp 4 lần trường công lập (trường công có 5 trường). Điều này đã phần nào phá vỡ âm mưu “giáo dục chiều ngang” của Toàn quyền Merlin, góp phần nâng cao trình độ học thức cho người dân Trung Kỳ.

Lí giải về sự gia tăng trường tư thục ở Trung Kỳ vào cuối những năm 20 đến những năm 30, theo tờ Học Báo ra ngày 28/12/1925 nhận định: “là do trường công dạy chữ Hán ít quá, nên phải cho con học trường tư. Theo quy định, các công chỉ dạy tiếng rười chữ Hán 1 tuần, nhiều trường ở Trung Kỳ xin dạy 6 giờ chữ Hán 1 tuần” (Học báo, ngày 28/12/1925). Đối với người dân Trung Kỳ, dù chương trình trường học đã thay đổi với các môn học mới, chữ Hán vẫn đóng vai trò quan trọng bởi nó được dùng cho các văn tự gia đình, văn bản hành chính của làng xã đến huyện tỉnh. Tuy nhiên, theo chúng tôi còn một lí do nữa là do truyền thống trọng học tập, trọng bằng cấp vẫn còn trong suy nghĩ và hành động của người dân vùng đất này. Mặt khác, hoạt động nỗ lực của Viện dân biểu Trung Kỳ cùng bối cảnh thế giới có chiều hướng tích cực đã dẫn đến những nói lỏng chính sách dân chủ ở Việt Nam, trong đó có giáo dục cũng ít nhiều tác động đến việc mở rộng các trường tư thục ở đây. Công sở hành chính ở Trung Kỳ ít hơn so với Bắc Kỳ và Nam Kỳ nên nhiều trí thức sau khi tốt nghiệp đã không thể tìm được một công việc trong các nhiệm sở. Họ đã hợp nhau lại cùng lập trường tư thục nhằm mục đích kinh doanh. Có những trí thức không muốn hợp tác với chính quyền Pháp đã mở trường tư thục để nâng cao hiểu biết cho người dân. Những lí do trên khiến trường tư thục ở Trung Kỳ được mở nhiều hơn ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

Về chương trình, nội dung học tập, lựa chọn phương pháp giảng dạy, sách giáo khoa dùng trong trường tư thục cơ bản giống với trường công lập, vì học sinh trường tư thục sẽ được cung cấp kiến thức để tham gia các kỳ thi cùng với học sinh trường công lập

và đều đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước. Hiệu trưởng của trường tư thực có quyền lựa chọn chương trình học tập cho trường dưới sự phê duyệt của giám đốc Nha Học chính. Ở trường tiểu học, lớp Đồng ấu phải học 11 môn, lớp Dự bị và Sơ đẳng học 12 môn (thêm môn Lịch sử), lớp trung đẳng, cao đẳng học 15 môn. Chương trình bậc Cao đẳng tiểu học gồm 14 môn, học trong 4 năm. Theo nguyên tắc, bậc tiểu học và trung học Pháp - Việt ở Trung Kỳ được Tổng Nha Học chính ban hành đòi hỏi trẻ em ở tất cả các nơi đều có những môn học chung, đồng thời đặc thù của từng vùng cũng được tôn trọng nên môn chữ Hán ở các trường tư thực nơi đây luôn có giờ học cao hơn quy định của Học chính Tổng quy. Tiếng Pháp là ngôn ngữ chính trong trường học, và học sinh có học thêm chữ quốc ngữ. Tuy nhiên, do mục tiêu của các trường tư tôn giáo chủ yếu là dạy cho học sinh biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ để thuận lợi cho việc truyền đạo nên các môn học này được chú trọng dành nhiều thời lượng, khác với trường tư thế tục dạy tất cả các môn theo quy định trong chương trình vì phục vụ cho học sinh đi thi. Đó cũng là một trong những lý do khiến cha mẹ học sinh ngày càng tin tưởng hơn vào hoạt động dạy học ở trường tư, có nhiều kỳ vọng đặt ra cho con cái của mình khi theo học ở các ngôi trường này.

Xét về nội dung hoạt động của trường, trong đó nội dung chương trình học tập, tài liệu học tập, trình độ giáo viên đến cơ sở vật chất trường học cũng không thua kém nhiều so với trường công lập. Các trường tư thực được cấp phép hoạt động hàng năm phải trải qua các đợt kiểm tra, thanh tra gắt gao, liên tục từ chính quyền. Những nội dung kiểm tra thường là chương trình học, sách báo tài liệu sử dụng trong nhà trường, lí lịch, bằng cấp giáo viên, số lượng học sinh, cơ sở vật chất... Mỗi năm một lần, Công sứ các tỉnh, Sở y tế địa phương và Sở Học chính Trung Kỳ cùng thành viên Nha Học chính cùng phối hợp và phân cấp thực hiện thanh kiểm tra các trường tư thực. Sau mỗi đợt thanh tra, các thành viên của hội đồng giáo dục sẽ làm báo cáo gồm 10 nội dung theo mẫu quy định: (1) Tên trường và vị trí chính xác của trường; (2) Tên hiệu trường, quốc tịch; (3) Họ tên và quốc tịch của hiệu phó; (4) Thời gian cho phép trường hoạt động căn cứ theo điều 1 của sắc lệnh ngày 14/5/1924; (5) Số học sinh có mặt ở trường; (6) Số học sinh đã đăng ký thông qua sổ sách ở nhà trường; (7) Các đồ dùng đăng ký để sử dụng giảng dạy, thời gian biểu và chương trình học; (8) Việc xây dựng cơ sở vật chất của phòng học; (9) Số giờ học mỗi tuần: dành cho việc dạy tiếng Pháp hoặc các môn học của chương trình bằng tiếng Pháp, dành cho việc giảng dạy ngôn ngữ bản xứ được dịch sang chữ la tinh hoặc các môn học khác của chương trình học được giảng dạy bằng ngôn ngữ này, dành cho việc giảng dạy chữ Hán; (10) Chủ đề của các cuốn sách giáo khoa, sách báo sử dụng để giảng dạy trong trường (Arrêté du 11 Février 1925 fixant les conditions de fonctionnement des écoles privées distribuant en Annam l'Enseignement). Thông tin được truyền tải đầy đủ gửi lên Công sứ tỉnh, Giám đốc Sở Học chính và Giám đốc Nha Học chính. Song song với hội đồng giáo dục, nghị định về trường tư thực còn yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất phải đảm bảo như: lớp học phải thông thoáng, đủ ánh sáng, đủ điều kiện vệ sinh (phải có nhà vệ sinh). Các điều kiện vệ sinh được Sở y tế thông qua báo cáo gồm 5 nội dung, trong đó nhấn mạnh hoạt động giám sát của nhà trường, theo đó vệ sinh trường học phải sạch sẽ, sàn lớp học lau bằng giẻ, cọ rửa bằng nước xà phòng mỗi tuần một lần, tường phải được quét vôi lại hoặc cọ rửa hai lần trong năm. Tất cả học sinh phải rửa tay trước khi ăn và sau giờ giải lao (Trần Thị Phương Hoa, 2012, tr. 164). Sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền Pháp khiến

các trường tư thục ngày càng được tổ chức quy cũ hơn, học tập có hiệu quả hơn để lấy danh tiếng trong công tác tuyển sinh. Và nếu trường nào không đủ điều kiện hoặc vi phạm các điều khoản quy định sẽ bị rút giấy phép và cho đóng cửa. Tuy nhiên, việc quản lý và quy định đối với trường tư thục của chính quyền không tránh khỏi phản ứng từ dân chúng bởi cách thức quản lý chặt chẽ và cả những sức ép về mặt thủ tục, hành chính. Như việc đặt tên trường tư thục cũng gây nên nhiều rắc rối, tờ báo Trung Bắc Tân Văn đã đăng câu chuyện như sau: *“Ở một tỉnh kia, một người mở trường tư, đặt tên trường Nguyễn Công Trứ, bị quan sở tại bắt bẻ, bảo người mở trường phải kê khai lịch sử cụ Nguyễn Công Trứ, nếu cụ quả không phải là người cách mạng Việt Nam thì trường mới được phép mở”* (Trung Bắc Tân Văn, 1932).

Việc tuyển dụng giáo viên giảng dạy trong các trường tư thục đặc biệt giống trường công lập, bởi tiếng tăm của giáo viên sẽ thu hút các gia đình quan tâm, gửi con em theo học. Trong công tác tuyển dụng, ngoài quy định về bằng cấp, chứng chỉ sư phạm, giáo viên trường tư thục ở Trung Kỳ phải đáp ứng yêu cầu về độ tuổi theo quy định của Nghị định ngày 11/02/1925 của Khâm sứ Trung Kỳ. Tuy nhiên, một thực tế ở các trường tư thục là số lượng lớp học trong trường thường chỉ từ 1-3 lớp, chủ yếu là trường sơ học nên trình độ giáo viên chưa cao. Năm 1930, 78 trường tư thục với 118 giáo viên thì chỉ có 1 giáo viên có bằng Cao đẳng tiểu học, 15 giáo viên có bằng tiểu học, 30 giáo sư, 15 khóa sinh, 45 giáo viên có bằng sơ đẳng (Rapport trimestriel Octobre-Novembre et Décembre 1929 de Chef Local du Service de l'Enseignement en Annam, 1930, RSA-4560). Yêu cầu về đạo đức luôn được chính quyền đặt lên hàng đầu vì lo sợ trường tư thục là “ổ cách mạng”. Những hành vi được cho là “vi phạm đạo đức” hay con cái gia đình tham gia cách mạng sẽ không được cấp phép mở trường hoặc bổ dụng làm giáo viên trường tư thục. Nghị định số 330 ngày 22/01/1930 của Khâm sứ Trung Kỳ nêu: *“Phàm người nào, hoặc đã phạm tội, hoặc bất thiện hoặc ngôn ngữ cử chỉ trái với phong tục mà đã bị can án, hoặc can vào khoản thứ 8 nói trong chỉ dụ ngày 14/5/1924, hoặc trước đó đã làm việc tại một công sở nào mà bị cách chức vì có lỗi thời không được phép bổ dụng trong một tư trường nào cả”* (Hà Tĩnh tân văn, 1930).

Rõ ràng, các nghị định về trường tư thục được ban hành thực chất là hạn chế sự nảy nở của loại hình trường này, đưa loại hình giáo dục này vào diện giám sát chặt chẽ của chính quyền. Những quy định khắt khe đã khiến hàng loạt trường tư thục ở Trung Kỳ bị chính quyền cho đóng cửa chỉ sau một thời gian ngắn hoạt động. Năm 1930, Công sứ Nghệ An ban hành Quyết định số 12 cho đóng cửa 9 trường tư thục ở Vinh. Cùng năm đó, Công sứ Vinh ban hành quyết định số 12 cho đóng cửa 9 trường tư thục ở Vinh do “thiếu học sinh”, “thiếu cơ sở vật chất” (Arrêté N.12, 11 Janvier 1930, RSA-4560). Năm 1930, Công sứ Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 393, số 19, số 64, số 677, số 21, số 22, số 66 đóng cửa 7 trường tư thục tại Hà Tĩnh vì “vi phạm điều 8 sắc lệnh ngày 14/5/1924” (Décision de Résidence de France à Ha Tinh, 1930, RSA-4560). Năm 1934, 4 trường tiểu học Văn Gia (Hương Khê), Tiên Lôi, Hà Lôi (Can Lộc), Trung Hà (Kỳ Anh) phải tạm đóng cửa vì lý do “thiếu thầy giáo” (Arrêté N.12, 11 Janvier 1930, RSA-4560). Số trường đang hoạt động phải thường xuyên báo cáo tình hình cơ sở vật chất, học sinh, tình trạng trường lớp cùng những thay đổi (nếu có). Từ năm 1924 đến năm 1930, tại Thanh Hóa, thống kê báo cáo của các trường tư thục như Bảng 2.

**Bảng 2: Tình trạng các trường tư tôn giáo ở tỉnh Thanh Hoá, 1924-1930**

TT	Tên trường	Huyện, phủ	Hiệu trưởng	Ngày thành lập	Số học sinh	Tình trạng lớp học
1	Đại Thôn	Quảng Xương	Trần Ngọc Hội	18/6/1930	10 (trai) 0 (gái)	nhà tranh
2	Thái Yên	Nông Cống	Nguyễn Văn Tinh	1924	31 (trai) 3 (gái)	nhà tranh
3	Nguyễn Bích Tộ	Tĩnh Gia	Nguyễn Bích Tộ	15/6/1926	13 (trai)	nhà tranh
4	Vĩnh Nghi	Thọ Xuân	Lê Đình Vọng	23/1/1930	13 (trai)	nhà ngói
5	Tân Chính	Nga Sơn	Paul Võ Đăng Khoa	31/12/1925	15 (trai)	nhà ngói
6	Mai Vực	Quảng Hoá	Nguyễn Trọng Hào	1/12/1924	40 (trai)	nhà ngói
7	Nhân Lộ	Quảng Hoá	Vũ Quang Nghị	31/12/1925	35 (trai)	nhà tranh
8	Paul		M. Bichon	18/9/1926	10 (trai) 24 (gái)	nhà ngói
9	Vân Lung	Thạch Thành	Petru Trần Xuân Mai		28 (trai)	nhà tranh
10	Tân Hải	Nga Sơn	Pere Chaire	1925	20 (trai)	nhà tranh
11	Trịnh Điện	Yên Định	Trịnh Tất Thắng	14/5/1924	15 (trai)	nhà tranh
12	Biện Đông	Quảng Xương	Vũ Đon Quế		12 (trai)	nhà tranh
13	Mĩ Diện	Hậu Lộc	Vũ Đức Thuận	1925	17 (trai)	nhà tranh
14	Bạch Cầu	Nga Sơn	Vũ Hữu Độ	1924	20 (trai) 1 (gái)	nhà tranh
15	Tam Tổng	Nga Sơn	Đình Văn Thứ	1924	35 (trai)	nhà ngói
16	Lehols Vanlorieur	Thanh Hoá	P. Delsnel		98 (trai)	nhà ngói
17	Dương Giáo	Thạch Thành	Phạm Hữu Phụng	14/5/1924	30 (trai) 12 (gái)	nhà tranh
18	Thomas d'Aquier	Thọ Xuân	Đặng Ngọc Quý	31/12/1925	22 (trai) 2 (gái)	nhà tranh
19	Sung Mãn	Tĩnh Gia	A. M. Chuông		100 (trai)	nhà ngói
20	Cougréganirte	Quan Hoá	Nguyễn Văn P. B. Lập	21/8/1929	24 (trai)	nhà tranh
21	Bản Thiện	Nông Cống	Lê Văn Hổng	17/3/1930	5 (trai)	nhà riêng

TT	Tên trường	Huyện, phủ	Hiệu trưởng	Ngày thành lập	Số học sinh	Tình trạng lớp học
22	Sầm Sơn	Quảng Xương	Nguyễn Hoà Hiệp		20 (trai)	nhà tranh
23	Đông Thị	Hà Trung	Pierre Hiền	1926	42 (trai) 8 (gái)	nhà ngói
24	Phúc Lang	Quảng Xương	Trần Hy Liễu	21/12/1926	30 (trai) 2 (gái)	nhà ngói

**Nguồn:** *Rapport annuel sur la situation matérielle et spirituelle de l'enseignement privé dans la province de Thanh Hoa, 1931, RSA-4558.*

Trong báo cáo năm 1930 của chính quyền Pháp, học sinh tại các trường tư được đánh giá chung là nề nếp và khuôn phép, học trò khoẻ mạnh, học sinh học chuyên cần, lớp học sạch sẽ, thoáng mát, bàn ghế thường, có trường được học tại nhà tư hoặc nhà của xứ đạo, chủ yếu là lớp bằng tranh, một số trường được lớp bằng ngói, bàn ghế không nhiều. Tuy nhiên, một số trường học sinh được nhận xét là “học sinh học hành chệnh mảng vì chưa biết hăm mộ việc học” “ học sinh hay bỏ học vì cha mẹ học trò quẫn bách” (đây là nhận xét của Hiệu trưởng trường Cougréganirte (Quan Hóa, Thanh Hoá) Nguyễn Văn P. B. Lập) (Rapport annuel sur la situation, 1931). Còn đối với trường tư thể tục, do cạnh tranh trong việc chiêu sinh đã dẫn đến tình trạng chất lượng giáo dục được đánh giá không cao. Trên Hà Thành Ngọ Báo, số 1788 ra ngày 20/8/1933 có bài “*Ai thật là chủ trường tư? Ông đốc hay học trò?*” viết: “*Người ta đăng quảng cáo dạy học không lấy tiền, khoe có những thầy giáo tiến sĩ, cử nhân dạy hay là lập ra các cuộc mua vui để “dữ” học trò. Nhưng kỳ thực ra người ta nói một trường mà làm không được một tác*” (Hà Thành Ngọ Báo, 1933).

Năm học 1932-1933, Vinh có thêm trường tư thục Phan Kiên Huy. Năm học 1938-1939, có thêm trường phổ thông Trung học tư thục Lê Văn, Thuận An, Chính Hoá. Tại tỉnh Thanh Hoá, năm 1938-1945 có trường tiểu học tư thục Tam Đa (Yên Định) do ông Nguyễn Đình Minh làm hiệu trưởng. Ở tỉnh lỵ có trường tiểu học tư thục Minh Trai do ông Nguyễn Văn Tuệ làm hiệu trưởng, trường Lâm Quang Nghị do ông Lâm Quang Nghị làm hiệu trưởng. Năm 1939-1945, ở bậc Cao đẳng tiểu học, tại tỉnh lỵ Thanh Hoá có trường Nord Annam ghi tên người sáng lập là Nguyễn Xuân Kỳ, hiệu trưởng là Phùng Quang Lan. Trường này có mời nhà thơ Lưu Trọng Lư về dạy, Trường tư thục Lam Sơn do ông Lê Duy Uỷ làm hiệu trưởng, đặt tại phố Thiệu Trị, có mời giáo viên về dạy là Lê Hữu Kiều và Phan Khắc Khoan. Nhà thờ công giáo ở Thanh Hoá cũng góp phần mở trường tư thục. Năm 1941, lập trường Alexandre de Rhodes - sau gọi là trường Mision hay trường Lê Bảo Tịnh, do một linh mục người Pháp là Poncet làm hiệu trưởng. Các giáo viên trong trường gồm có Nguyễn Tài Uyên, Hồ Trúc, Võ Trí Sơn, Hữu Loan, Yến Lan, Phan Khắc Khoan. Trường này tồn tại mãi đến năm 1954. Năm 1942 Khâm sứ Trung kỳ cho phép bà Xơ Jean Théophane mở trường tư thục của dòng nữ tu, quen gọi là trường xơ (soeur). Ngoài ra, ở Đông Dương còn xuất hiện một loại hình trường nghề tư thục. Năm học 1943-1944, Đông Dương có 4 trường tư thục dạy nghề với 8 giáo viên và 175 học sinh (Gouvernement général de l'Indochine, 1948, tr. 51). Tuy nhiên loại trường này không xuất hiện ở Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Lào, mà chỉ có ở Nam Kỳ và Campuchia.

#### 4. Kết luận

Như vậy, cùng với hệ thống của trường công lập, trường tư thục Pháp - Việt ở Trung Kỳ đã phát triển thành một cơ cấu trường tư thục với đầy đủ các thành tố, theo như quy định của Luật giáo dục - Bộ Học chính Tổng quy năm 1917. Về cơ bản, hệ thống trường tư thục ở Trung Kỳ từ năm 1917 đến năm 1945, thể hiện rõ: thứ nhất là những cơ sở pháp lý liên quan đến việc thành lập và hoạt động của trường tư thục ở Trung Kỳ; thứ hai loại hình trường tư thục ở Trung Kỳ trong đó có trường tư thục do thầy đồng, cha có tổ chức và điều khiển, chiếm phần nhiều là trường tiểu học, loại hình trường tư thục thứ hai là do người Việt điều hành. Từ sau Nghị định năm 1924, trường tư thục được mở rộng ở nhiều tỉnh, tăng nhanh về số lượng. Số trường tư cao đẳng tiểu học và trung học tăng gấp bốn lần trường công cho thấy sự nỗ lực rất lớn của chính quyền và giới trí thức nơi đây.

Hoạt động của trường tư thục Pháp - Việt ở Trung Kỳ cũng như trường công lập, được chính quyền Pháp cấp phép hoạt động nhằm phục vụ các mục tiêu chính trị và kinh tế của chủ nghĩa thực dân. Trong khoảng thời gian gần 30 năm hình thành và phát triển, hệ thống trường tư thục ở Trung Kỳ đã có những bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, có đóng góp tích cực trong hệ thống giáo dục ở Trung Kỳ nói riêng, cả nước nói chung với số lượng trường và học sinh chiếm phần trăm cao trong hệ thống giáo dục. Trường tư thục cùng với trường công lập chính là cầu nối giữa Nho học truyền thống với giáo dục Việt Nam hiện đại. Lối học cũ như trọng văn chương thơ phú của Nho giáo đã nhường chỗ cho các chương trình học được phân bổ từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp và học sinh được học tất cả các môn... Về cơ bản sách giáo khoa và tài liệu học tập ở trường tư thục căn bản thực hiện theo quy định chung của trường công lập và sử dụng quy trình kiểm tra đánh giá là kết quả cho kỳ thi tốt nghiệp. Những quy định và quy chế của trường tư thục giống với trường công lập, thậm chí khắt khe hơn so với trường công như trình độ giáo viên phải được đào tạo từ các trường cao đẳng tiểu học, trường sư phạm và độ tuổi quy định cho thấy vị thế trường tư thục trong hệ thống giáo dục Pháp - Việt. Đặc biệt, sự quan tâm của chính quyền đến cơ sở vật chất, vệ sinh, y tế trường học khiến hoạt động của các trường tư thục đi vào quy cũ, nề nếp và ngày càng chuẩn mực góp phần thay đổi nhận thức của người dân đối với giáo dục hiện đại.

Hoạt động của trường tư thục ở Trung Kỳ đã thực sự cho thấy cho thấy sự đóng góp tích cực của bộ phận trí thức nơi đây, góp phần cho việc nâng cao trình độ học thức cho con em vùng Trung Kỳ và có tác động đến văn hóa, giáo dục, xã hội trên địa bàn. Trong hàng ngũ giáo viên trường tư thục Trung Kỳ đã góp phần không nhỏ tạo thành lớp trí thức tiên bộ, có mục tiêu chung là tuyên truyền tư tưởng cách mạng và đồng hành cùng phong trào chống thực dân xâm lược trên địa bàn, tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc, giữ gìn phát triển văn hoá dân tộc. Bên cạnh mục đích dạy học góp phần nâng cao kiến thức cho nhân dân, giới trí thức đã ít nhiều nhận thấy khả năng kinh doanh trong giáo dục.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, trường tư thục Pháp - Việt ở Trung Kỳ có những mặt hạn chế. Trước hết, trường học luôn đặt dưới sự giám sát chặt chẽ, trực tiếp của Công sứ tỉnh, Sở học chính Trung Kỳ và Nha học chính Đông Dương; quyền quyết định thuộc về Toàn quyền Đông Dương, đến Khâm sứ Trung Kỳ. Chính sách giáo dục mang nặng mục tiêu chính trị đã cản trở việc đầu tư mang tính khoa học để xây dựng một nền giáo dục dành cho người Việt, vì lợi ích người Việt. Bên cạnh đó, một số quy định cứng nhắc, bảo thủ, thiếu linh hoạt trong việc mở trường, đóng trường dẫn đến gây khó khăn cho giáo viên, học sinh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- B.A.V.H (2003). *Xứ An Nam, Những người bạn cố đô Huế, tập XVIII, 1931*. Huế: NXB Thuận Hóa.
- Cục văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I (2016). *Giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858-1945)*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- Gouvernement général de l'Indochine (1932). *Annuaire statistique de l'Indochine 1930-1931*. HaNoi: Imprimerie D'extrême - Orient - Éditeur.
- Gouvernement général de l'Indochine (1937). *Annuaire statistique de l'Indochine 1934-1935-1936*. HaNoi: Imprimerie D'extrême - Orient - Éditeur.
- Gouvernement général de l'Indochine (1948). *Annuaire statistique de l'Indochine 1943-1946*. SaiGon: Statistique Générale de L'Indochine.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1924a). *Note postale Circulaire du Résident Supérieur attirant l'attention des Résidents sur les dispositions du décret du 14 Mai 1924 règlementant l'ouverture et le fonctionnement des établissements d'enseignement privé en Indochine, RSA.J-1294*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1924b). *Note postale Circulaire du 10 Novembre 1924 du Résident Supérieur attirant l'attention des Résidents sur les dispositions du décret du 14 Mai 1924 règlementant l'ouverture et le fonctionnement des établissements d'enseignement privé en Indochine, RSA-J.1294*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1925). *Arrêté du Gouverneur Général de l'Indochine du 27 Janvier 1925 fixant les conditions de capacité et les garanties d'ordre divers exigées du personnel de l'enseignement privé*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1926a). *Arrêté du 11 Février 1925 fixant les conditions de fonctionnement des écoles privées distribuant en Annam l'Enseignement primaire supérieur, complémentaire, professionnel ou primaire et les conditions de capacité et d'ordre divers imposées au personnel de ces établissements*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1926b). *Circulaire du 11 Juillet 1925 du Résident Supérieur en Annam au conditions d'ouverture d'une nouvelle école privée*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1926c). *Circulaire du 12 Décembre 1925 du Résident Supérieur en Annam au sujet de la formation et du maintien des écoles privées, RSA-J.1296*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1927). *Ecoles privées de la Mission de Thanh-Hoa, RSA-4577*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1930a). *Décision de Résidence de France à Ha Tinh de fermer les écoles privées, Hue 11 Janvier 1930, RSA-4560*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phòng Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1930b). *Rapport trimestriel Octobre - Novembre et Décembre 1929 de Chef Local du Service de l'Enseignement en Annam, 15 Janvier 1930, Phòng RSA-4560*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.

- Phông Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1931). *Rapport annuel sur la situation matérielle et spirituelle de l'enseignement privé dans la province de Thanh Hoa, 30 Janvier 1931, Phông Phủ Khâm sứ Trung Kỳ RSA-4558*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phông Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1932). *Réponse de Résident supérieur de l'Annam à la demande de M. Tran Dien d'ouvrir une école privée à Thanh Hoa, octobre 1932, RSA-4563*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Phông Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (1932). *Raport N.1150 le 23 août 1932, le chef du département local de l'éducation de l'Annam rend compte au supérieur résident de l'Annam de la demande de M. Lê-nguyên Thu d'autorisation d'ouvrir une école primaire privée. RSA-4563*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Trần Thị Phương Hoa (2012). *Giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đăng Tiến (1996). *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Một câu chuyện về trường tư (30/9/1932). *Trung Bắc Tân Văn*.
- Trường tư Trung Kỳ (28/12/1925). *Học Báo*.
- Thê lệ tuyển bổ Giáo sư các tư trường (15/02/1930). *Hà Tĩnh tân văn*.
- Ai thật là chủ trường tư? Ông đốc hay học trò? (20/8/1933). *Hà Thành Ngọ Báo*, số 1788.

## ABSTRACT

### ACTIVITIES OF PRIVATE SCHOOLS IN CENTRE ANNAM FROM 1917 TO 1945

Duong Thi Thanh Hai, Duong Thi Kim Oanh

<sup>1</sup>History Department, School of Education, Vinh University, Nghe An, Vietnam

Received on 18/12/2023, accepted for publication on 26/01/2024

Under the French colonial period, in addition to the public school system, the French government has allowed the opening of many private schools to serve political goals and meet the learning needs of the people. To contribute to clarify the current situation of private schools in Annam during the French colonial period, based on documents of the French government including Decrees, Yearbook Reports, statistical documents... the article focuses on clarifying the The colonial government's private education policy from the second educational reform (1917 to 1945), at the same time restoring the private school system in Annam in terms of schools, programs, and studies, etc. On that basis, the author presents a few comments on private education in Annam since the second educational reform (from 1917 to 1945) and compare it with private education in Tonkin, Cochinchina during the same study period.

**Keywords:** Private school; Centre Annam; French colonial; private education.